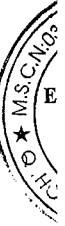


Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2017



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 42

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lars Kjaer	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Đặng Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61311118/19608173-Audit 300917

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 11 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 11 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		81.791.486.908	35.390.997.252
110	I. Tiền	4	35.712.775.056	18.779.591.837
111	1. Tiền		35.712.775.056	18.779.591.837
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.425.741.227	8.149.230.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	4.683.012.545	2.906.904.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	3.988.231.507	69.130.013
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.754.497.175	5.173.196.306
140	III. Hàng tồn kho	8	7.106.513.274	7.521.124.329
141	1. Hàng tồn kho		7.106.513.274	7.521.124.329
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.546.457.351	941.050.498
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.546.457.351	941.050.498
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		383.235.157.022	266.106.181.836
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		151.220.439.740	75.370.439.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	151.220.439.740	75.370.439.740
220	II. Tài sản cố định		33.981.551.151	17.103.815.429
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	33.920.197.332	17.014.788.104
222	Nguyên giá		42.066.048.985	21.403.553.178
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.145.851.653)	(4.388.765.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình		61.353.819	89.027.325
228	Nguyên giá		127.592.000	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.238.181)	(38.564.675)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		40.816.800	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.816.800	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	191.924.427.614	169.671.289.901
251	1. Đầu tư vào công ty con		131.924.427.614	169.671.289.901
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		60.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.067.921.717	3.960.636.766
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.067.921.717	3.960.636.766
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		465.026.643.930	301.497.179.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		86.192.548.809	126.348.644.065
310	I. Nợ ngắn hạn		38.230.548.809	98.864.444.065
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.970.793.849	8.525.467.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.530.660	8.001.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.896.595.681	3.710.059.855
314	4. Phải trả người lao động		6.969.575.694	6.456.677.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		597.757.656	558.456.341
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	6.615.676.157	1.176.224.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.383.819.112	63.544.478.910
320	8. Vay ngắn hạn	18	5.788.800.000	14.885.079.393
330	II. Nợ dài hạn		47.962.000.000	27.484.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	38.000.000.000	24.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	18	9.962.000.000	3.484.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		378.834.095.121	175.148.535.023
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	378.834.095.121	175.148.535.023
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	19.1, 19.2	360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.834.095.121	14.668.535.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		449.618.349	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		18.384.476.772	14.569.590.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		465.026.643.930	301.497.179.088

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	159.051.320.036	126.466.305.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.051.320.036	126.466.305.050
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	21	(76.742.508.847)	(62.076.708.845)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.308.811.189	64.389.596.205
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	65.008.852.677	1.291.017.073
22	7. Chi phí tài chính	22	(1.287.369.268)	(655.912.812)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.286.603.310)	(655.478.835)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(41.333.515.852)	(39.694.615.908)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(15.799.407.825)	(16.148.760.510)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.897.370.921	9.181.324.048
31	11. Thu nhập khác	24	1.596.732.256	242.101.001
32	12. Chi phí khác	24	(10.104.251)	(55.003.859)
40	13. Lợi nhuận khác	24	1.586.628.005	187.097.142
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.483.998.926	9.368.421.190
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(5.391.711.785)	(1.980.512.483)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.092.287.141	7.387.908.707

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

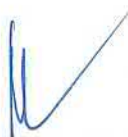
Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		90.483.998.926	9.368.421.190
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		4.399.658.236	3.151.245.205
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(66.196.558.029)	(1.289.191.531)
06	Chi phí lãi vay	22	1.286.603.310	655.478.835
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.973.702.443	11.885.953.699
09	Tăng các khoản phải thu		(10.090.928.706)	(12.161.872.380)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		414.611.055	(822.322.529)
11	Tăng các khoản phải trả		9.599.540.933	165.107.856
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.712.691.804)	1.648.832.362
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.286.603.310)	(655.478.835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.485.266.388)	(925.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(686.727.043)	-
20	Lưu chuyển tiền từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		18.725.637.180	(864.779.827)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(21.318.210.758)	(3.513.800.546)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.227.272.727	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(67.000.000.000)	(5.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		38.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(135.311.739.906)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.864.076.969	1.325.492.718
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(119.538.600.968)	(7.838.307.828)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		199.520.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		46.528.280.605	26.239.057.834
34	Tiền trả nợ gốc vay		(48.077.133.598)	(16.534.516.978)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(80.225.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		117.746.147.007	12.480.639.756
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		16.933.183.219	3.777.552.101
60	Tiền đầu kỳ		18.779.591.837	836.087.367
70	Tiền cuối kỳ	4	35.712.775.056	4.613.639.468


 Trần Văn Hưng
 Người lập


 Phạm Quang Viên
 Phó Phòng kế toán




 Lê Anh Quốc
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 422 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 330 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Dán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (“Taseco Media”)	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1 khu Đoàn Ngoại Giao, phố Đỗ Nhuận - Phường Xuân Tảo - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Công ty kiểm soát BCC, Công ty sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Nếu Công ty không kiểm soát BCC, Công ty ghi nhận phần lợi nhuận mà Công ty được chia từ BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	4.040.722.250	1.143.215.064
Tiền gửi ngân hàng	31.672.052.806	17.636.376.773
TỔNG CỘNG	<u>35.712.775.056</u>	<u>18.779.591.837</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	2.025.134.849	520.824.540
Công ty TNHH truyền thông Movingup	660.000.000	-
Công ty TNHH Sejoong Việt Nam	5.734.000	376.068.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.805.600.696	1.085.196.197
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	186.543.000	924.815.532
TỔNG CỘNG	<u>4.683.012.545</u>	<u>2.906.904.269</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Hợp tác Quốc tế V-S-F Architects	1.698.863.740	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại P&G	805.669.370	-
Công ty Cổ phần Hòa Gia Hưng	493.203.892	-
Công ty TNHH Cafe Đất Việt	21.273.091	21.273.091
Công ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	14.066.800	9.548.000
Xí Nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH Một Thành Viên	988.423	14.988.367
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ VINASTAR	-	10.000.000
Các khoản trả trước khác	954.166.191	13.320.555
TỔNG CỘNG	<u>3.988.231.507</u>	<u>69.130.013</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam (*) (Thuyết minh số 27)	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Chi tiết các khoản cho vay như sau:

<i>Số hợp đồng vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
24082017 /HĐVV- VINACS	7.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn vào ngày 24 tháng 8 năm 2018	7,5%	Không có tài sản đảm bảo
07092017 /HĐVV- VINACS	13.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn vào ngày 7 tháng 9 năm 2018	7,5%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	<u>20.000.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tạm ứng cho nhân viên	5.590.421.059	369.408.218
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	436.727.435	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.622.140.347	1.671.174.452
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	105.208.334	3.132.613.636
TỔNG CỘNG	<u>7.754.497.175</u>	<u>5.173.196.306</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Truyền thông Sân bay Đà Nẵng (DNA) theo Hợp đồng ủy thác kinh doanh vị trí quảng cáo giữa Công ty với Công ty TNHH Phát triển Thành phố (iCity) và DNA ngày 6 tháng 2 năm 2017. Theo hợp đồng này, các bên cùng tham gia hợp tác để thực hiện khai thác, kinh doanh quảng cáo tại Sân bay Đà Nẵng và lợi nhuận thu được từ việc hợp tác này sẽ phân chia cho Công ty và iCity là 42,5% và cho DNA là 15%.

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	104.526.249	-	150.528.415	-
Hàng hóa	7.001.987.025	-	7.370.595.914	-
TỔNG CỘNG	<u>7.106.513.274</u>	<u>-</u>	<u>7.521.124.329</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	195.974.294	128.151.617
Chi phí sửa chữa	123.537.262	340.477.415
Chi phí thuê mặt bằng	896.551.382	-
Khác	1.330.394.413	472.421.466
TỔNG CỘNG	<u>2.546.457.351</u>	<u>941.050.498</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.162.095.824	2.641.027.129
Chi phí sửa chữa	165.276.823	985.026.844
Khác	2.740.549.070	334.582.793
TỔNG CỘNG	<u>6.067.921.717</u>	<u>3.960.636.766</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 27) (*)	150.220.439.740	75.220.439.740
Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo (Thuyết minh số 27)	1.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	150.000.000
TỔNG CỘNG	<u>151.220.439.740</u>	<u>75.370.439.740</u>

(*) Đây là khoản góp vốn vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 142/ HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 9 năm 2017. Theo đó, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (“Taseco Thăng Long”) cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150,22 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.813.341.656	1.827.492.326	14.762.719.196	-	21.403.553.178	
- Mua trong kỳ	-	4.130.626.865	17.006.629.093	140.138.000	21.277.393.958	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)	
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	4.813.341.656	5.958.119.191	31.154.450.138	140.138.000	42.066.048.985	
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	309.560.702	-	-	-	309.560.702	
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.407.272.769	604.415.187	2.377.077.118	-	4.388.765.074	
- Khấu hao trong kỳ	807.071.437	602.459.615	2.944.882.457	17.571.221	4.371.984.730	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)	
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	2.214.344.206	1.206.874.802	4.707.061.424	17.571.221	8.145.851.653	
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.406.068.887	1.223.077.139	12.385.642.078	-	17.014.788.104	
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	2.598.997.450	4.751.244.389	26.447.388.714	122.566.779	33.920.197.332	
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	-	21.188.897.295	-	21.188.897.295	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30 tháng 9 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	131.924.427.614	-	-	169.671.289.901	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	60.000.000.000	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	191.924.427.614	-	-	169.671.289.901	-	-

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng		Dự Phòng
Đầu tư vào công ty con						
Taseco Đà Nẵng (i)	1.998.000	19.980.000.000	-	1.998.000	25.810.557.011	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng (ii)	100%	105.000.000.000	-	100%	138.360.732.890	-
Taseco Sài Gòn (iii)	650.000	6.500.000.000	-	550.000	5.500.000.000	-
Taseco Media (iv)	1.498.500	444.427.614	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		131.924.427.614			169.671.289.901	

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(i) Trong kỳ, Công ty đã nhận được khoản cổ tức với số tiền là 5.830.557.011 VND từ Taseco Đà Nẵng. Khoản cổ tức này được chi từ lợi nhuận để lại của Taseco Đà Nẵng có được từ trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Taseco Đà Nẵng và theo đó khoản cổ tức này đã được Công ty ghi giảm vào giá trị đầu tư của Công ty vào Taseco Đà Nẵng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, Công ty có trách nhiệm trả khoản cổ tức này cho Taseco Thăng Long.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã nhận được khoản cổ tức với số tiền là 33.360.732.890 VND từ Taseco Oceanview Đà Nẵng. Khoản cổ tức này được chi từ lợi nhuận để lại của Taseco Oceanview Đà Nẵng có được từ trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Taseco Oceanview Đà Nẵng và theo đó khoản cổ tức này đã được Công ty ghi giảm vào giá trị đầu tư của Công ty vào Taseco Oceanview Đà Nẵng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty và Taseco Thăng Long, Công ty có trách nhiệm trả khoản cổ tức này cho Taseco Thăng Long.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (iii) Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn với giá trị 1.000.000.000 VND từ cổ đông của Taseco Sài Gòn và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65%.
- (iv) Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.498.500 cổ phần của Taseco Media với giá trị 444.427.614 VND từ Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Media là 99,9% và Taseco Media trở thành công ty con của Công ty.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	30 tháng 9 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
			Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("VinaCS")	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn phục vụ hành khách hàng không; - Dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không; và - Các dịch vụ phụ trợ khác.	60.000.000.000	40%	-	-
TỔNG CỘNG			60.000.000.000		-	

Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của VinaCS với giá trị là 60 tỷ VND từ Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06/B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS là 40% và VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	2.301.793.012	2.301.793.012	745.821.785	745.821.785
Công ty TNHH Viễn thông Lê Nguyễn	1.079.965.787	1.079.965.787	449.150.184	449.150.184
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	933.595.036	933.595.036	1.236.801.953	1.236.801.953
Phải trả đối tượng khác	7.214.640.014	7.214.640.014	5.793.693.175	5.793.693.175
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	440.800.000	440.800.000	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG	11.970.793.849	11.970.793.849	8.525.467.097	8.525.467.097

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.266.388	5.391.711.785	(5.485.266.388)
Thuế giá trị gia tăng	1.497.605.830	4.853.602.378	(5.587.664.885)	763.543.323
Thuế tiêu thụ đặc biệt	54.013.637	537.516.084	(532.203.148)	59.326.573
Thuế thu nhập cá nhân	31.174.000	310.814.207	(295.974.207)	46.014.000
Các loại thuế khác	6.000.000	101.118.805	(107.118.805)	-
TỔNG CỘNG	3.710.059.855	11.194.763.259	(12.008.227.433)	2.896.595.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ quảng cáo tại sân bay và các dịch vụ hàng không khác	6.615.676.157	1.176.224.045
TỔNG CỘNG	<u>6.615.676.157</u>	<u>1.176.224.045</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	313.000.000	204.000.000
Phải trả về nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con của bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	39.191.289.901
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (Thuyết minh số 27)	-	23.000.000.000
Phải trả chuyển nhượng vốn góp (Thuyết minh số 27)	1.132.687.708	-
Các khoản phải trả khác	1.938.131.404	1.149.189.009
TỔNG CỘNG	<u>3.383.819.112</u>	<u>63.544.478.910</u>

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Oceanview Đà Nẵng (*) (Thuyết minh số 27)	38.000.000.000	-
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (**) (Thuyết minh số 27)	-	24.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>38.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Oceanview Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 20 tháng 3 năm 2017 nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hồn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 38 tỷ VND.

(**) Trong kỳ, Công ty đã chấm dứt hợp tác đầu tư với Taseco Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2016/PL-HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty đã hoàn trả Taseco Đà Nẵng khoản vốn đã góp để hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	13.532.679.393	13.532.679.393	33.265.880.605	(46.798.559.998)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.352.400.000	1.352.400.000	6.784.600.000	(2.348.200.000)	5.788.800.000	5.788.800.000	5.788.800.000
TỔNG CỘNG	14.885.079.393	14.885.079.393	40.050.480.605	(49.146.759.998)	5.788.800.000	5.788.800.000	5.788.800.000
Vay dài hạn							
Vay dài hạn ngân hàng	3.484.200.000	3.484.200.000	13.262.400.000	(6.784.600.000)	9.962.000.000	9.962.000.000	9.962.000.000
TỔNG CỘNG	3.484.200.000	3.484.200.000	13.262.400.000	(6.784.600.000)	9.962.000.000	9.962.000.000	9.962.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.032.800.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong kỳ là 7,5%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,4 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 882.886.672 VND
Trong đó: vay đến hạn trả	554.400.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.789.500.000 VND	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong kỳ là 8,4% + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 886.811.365 VND	
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>798.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	3.544.000.000 VND	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,7% + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-720.45 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-718.86 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.14 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.97 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.39 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND	
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>1.416.000.000</i>			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.685.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner bên kiểm soát 30E-747.66 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner bên kiểm soát 30E-747.91 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>612.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.361.500.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 2,9 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 717.129.817 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>858.000.000</i>			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và các giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.604.400.000 VND	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 3,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.52 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.66 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.81 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	919.200.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.733.200.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.22 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-504.99 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	631.200.000			
TỔNG CỘNG	15.750.800.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	9.962.000.000			
<i>Vay đến hạn trả</i>	5.788.800.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	99.944.279	27.226.221.379
Tăng vốn trong kỳ	22.853.722.900	-	22.853.722.900
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	7.387.908.707	7.387.908.707
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>49.980.000.000</u>	<u>7.487.852.986</u>	<u>57.467.852.986</u>
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	14.668.535.023	175.148.535.023
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	199.520.000.000	-	199.520.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	85.092.287.141	85.092.287.141
Cổ tức công bố (**)	-	(80.240.000.000)	(80.240.000.000)
Trích quỹ khen thưởng (***)	-	(577.227.043)	(577.227.043)
Giảm khác	-	(109.500.000)	(109.500.000)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>360.000.000.000</u>	<u>18.834.095.121</u>	<u>378.834.095.121</u>

(*) Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB và Nghị quyết số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 2.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp số 07/2017/BB-HĐQT và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không thực hiện quyền mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

(**) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và tạm ứng cổ tức Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80,225 tỷ VND.

(***) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-TASECO.NB ngày 23 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng cho Ban Điều hành Công ty năm 2016 tương ứng với số tiền là 577.227.043 VND. Quỹ khen thưởng này đã được thanh toán cho Ban Điều hành Công ty trong kỳ.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	360.000.000.000	49.980.000.000
Số đầu kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp tăng trong kỳ	199.520.000.000	22.853.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	19.980.000.000
	360.000.000.000	49.980.000.000
Số cuối kỳ	360.000.000.000	49.980.000.000
Cổ tức đã trả	(80.225.000.000)	-

19.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Tổng doanh thu	159.051.320.036	126.466.305.050
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	89.077.243.991	69.538.684.037
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	69.974.076.045	56.927.621.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	159.051.320.036	126.466.305.050
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	89.077.243.991	69.538.684.037
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	69.974.076.045	56.927.621.013
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	156.508.621.875	120.869.273.321
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	2.542.698.161	5.597.031.729

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Lãi cho vay	1.423.437.501	1.281.927.980
Lãi tiền gửi	20.407.802	7.263.551
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.567.374	1.825.542
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	63.525.440.000	-
TỔNG CỘNG	65.008.852.677	1.291.017.073

(*) Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức từ Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Giá vốn hàng hóa thương mại	42.905.555.401	34.947.238.009
Giá vốn dịch vụ khác	33.836.953.446	27.129.470.836
TỔNG CỘNG	76.742.508.847	62.076.708.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	1.286.603.310	655.478.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	765.958	433.977
TỔNG CỘNG	<u>1.287.369.268</u>	<u>655.912.812</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	19.411.001.500	19.402.058.522
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.371.588.456	3.578.105.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.273.934.693	1.129.721.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.308.683.286	6.122.779.117
Chi phí thuê kho, mặt bằng	9.727.054.048	9.176.331.840
Chi phí khác bằng tiền	241.253.869	285.619.589
TỔNG CỘNG	<u>41.333.515.852</u>	<u>39.694.615.908</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	9.595.268.500	8.446.695.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.745.210.184	2.798.377.724
Chi phí tư vấn	375.000.000	3.004.545.455
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.122.722.592	925.300.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	443.912.612	399.597.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.526.621	337.955.400
Chi phí quản lý khác	181.787.318	238.289.261
TỔNG CỘNG	<u>15.799.407.825</u>	<u>16.148.760.510</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Thu nhập khác	1.596.732.256	242.101.001
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	198.699.149	101.746.172
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.227.272.726	10.361.093
Khác	170.760.381	129.993.736
Chi phí khác	10.104.251	55.003.859
Chi phí khác	10.104.251	55.003.859
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.586.628.005	187.097.142

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.897.657.151	50.691.225.490
Chi phí nhân công	36.903.917.692	33.818.163.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.399.658.236	3.151.245.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.504.158.316	17.321.839.053
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo, bán hàng	16.767.019.944	12.415.703.520
Chi phí khác	403.021.185	521.908.850
TỔNG CỘNG	133.875.432.524	117.920.085.263

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.391.711.785	1.980.512.483
TỔNG CỘNG	5.391.711.785	1.980.512.483

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.483.998.926	9.368.421.190
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	18.096.799.785	1.873.684.238
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	-	106.828.245
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(12.705.088.000)	-
Chi phí thuế TNDN	5.391.711.785	1.980.512.483

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các khoản đảm bảo, bảo lãnh của các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 18, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 và 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư Cổ tức được nhận Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.000.000.000 34.525.440.000 54.360.909	- - 96.559.089
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	390.657.271	476.794.016
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được nhận Nhận tiền hợp tác đầu tư Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.000.000.000 38.000.000.000 -	- - 447.273
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay Thu hồi cho vay Nhận vốn góp Lãi cho vay Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm Cổ tức đã chia Cổ tức đã trả Góp vốn hợp tác đầu tư Phí nhận chuyển nhượng cổ phần VinaCS Thanh toán cổ tức của Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng trước thời điểm góp vốn Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	93.500.000.000 93.500.000.000 199.490.000.000 1.318.229.167 1.080.000.000 80.225.000.000 80.225.000.000 75.000.000.000 60.000.000.000 39.191.289.901 1.429.538.000	13.650.000.000 8.000.000.000 22.823.722.900 1.281.927.980 1.080.000.000 - - - - - - 5.830.557.011 3.000.000.000
VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.000.000.000 137.065.242	- 34.780.909
Nguyễn Minh Hải	Tổng Giám đốc Công ty mẹ	Chuyển nhượng cổ phần công ty Taseco Sài Gòn	1.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí thuê vị trí quảng cáo Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo	1.806.606.327 1.000.000.000	- -
Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.727.273	8.920.455
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.242.193	-
Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.727.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.195.456	223.285.003
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.933.636	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.470.910	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.779.998	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 5.1)				
Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Thu tiền bán thanh lý tài sản	41.750.000	812.963.398
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	2.793.000	4.245.000
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.000.000	-
			186.543.000	924.815.532
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6)				
VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
			20.000.000.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 7)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi hộ trả hộ	-	220.063.636
Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	2.912.550.000
VinaCS	Công ty liên kết	Lãi cho vay	105.208.334	-
			105.208.334	3.132.613.636
<i>Phải thu dài hạn khác</i> (Thuyết minh số 10)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chuyển tiền góp vốn cho hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo	1.000.000.000	-
			151.220.439.740	75.220.439.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>				
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ	300.000.000	300.000.000
VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	140.800.000	-
			440.800.000	300.000.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</i>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	39.191.289.901
		Phải trả khoản chuyển nhượng cổ phần Taseco Media	132.687.708	-
Nguyễn Minh Hải	Tổng Giám đốc Công ty mẹ	Phải trả khoản chuyển nhượng cổ phần Taseco Sài Gòn	1.000.000.000	-
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.000.000.000
			1.132.687.708	62.191.289.901
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)</i>				
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	24.000.000.000
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	38.000.000.000	-
			38.000.000.000	24.000.000.000

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Lương và thưởng	1.164.730.000	992.560.000
Thu nhập khác	71.580.000	89.370.000
TỔNG CỘNG	1.236.310.000	1.081.930.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.


Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	12.838.435.800	12.991.996.800
Từ 1 - 5 năm	12.499.926.000	21.335.193.600
TỔNG CỘNG	25.338.361.800	34.327.190.400

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, VinaCS đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu cho cổ đông mới để tăng vốn cổ phần từ 150 tỷ VND lên 225 tỷ VND. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107038831 điều chỉnh lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại VinaCS giảm từ 40% xuống 26,67%.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Văn Hưng
Người lập



Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2017